

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2024-2025

NGÀNH NGÔN NGỮ PHÁP CLC TT23

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2021 HỌC KÌ 7	FLF1006***	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	2	2	QH.2021 HỌC KÌ 8	FRE4050***	Kiến tập	2	2
	FRE3032	Lý thuyết dịch	3	3		FRE4001*	Thực tập	3	3
	FRE3051	Giao tiếp lễ tân ngoại giao	3	3		FRE4051**	Khoá luận tốt nghiệp	7	7
		Tự chọn khối V.2.2	6	6			Tự chọn khối V.2.1	6	6
	FRE3045	Tiếng Pháp kinh tế	3	3		FRE3019	Biên dịch nâng cao	3	3
	FRE3048	Tiếng Pháp tài chính - ngân hàng	3	3		FRE3036	Phiên dịch nâng cao	3	3
	FRE3041	Tiếng Pháp du lịch - khách sạn (chuyên HK2 để ghép 22DL)	3	3		FRE3018	Biên dịch chuyên ngành	3	3
	FRE3043	Tiếng Pháp giao tiếp trong kinh doanh	3	3		FRE3035	Phiên dịch chuyên ngành	3	3
	FRE3047	Tiếng Pháp luật	3	3		FRE3020***	Quản trị dự án	3	3
	FRE3044	Tiếng Pháp hành chính - văn phòng	3	3		FRE3027	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	3
					FRE3029	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	3	
					FRE3058	Hướng dẫn du lịch	3	3	
					BSA2006	Quản trị nguồn nhân lực	3	3	

*Môn học tự chọn in nghiêng, chữ đậm là những môn học tự chọn trong Khối sẽ được tổ chức giảng dạy.

P. TRƯỞNG KHOA

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đặng Thị Thanh Thúy

Nguyễn Việt Hùng

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2024-2025

NGÀNH NGÔN NGỮ PHÁP - QH2022

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2022 HỌC KỲ 5 Định hướng Biên Phiên	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	QH.2022 HỌC KỲ 6 Định hướng Biên Phiên	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
	FRE2038	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 1	3	3		FRE2039	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 2	3	3
	FRE2047	Pháp ngữ học	3	3		FRE2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
	FRE3038	Phương pháp tư liệu chuyên đề	3	3		FRE3017	Biên dịch	3	3
	FRE2043	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	3		THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
		<i>Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)</i>	6	6			<i>Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại năm 3 hoặc năm 4)</i>	6	6
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3		FRE2045	Phân tích diễn ngôn	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3		FRE2044	Ngữ nghĩa học	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3		FRE2035	Văn học Pháp ngữ	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3		FRE2046	Phân tích văn bản văn học	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3		FRE2056	Đất nước học Pháp	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3					
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3					
QH.2022 HỌC KỲ 5 Định hướng Du lịch	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	QH.2022 HỌC KỲ 6 Định hướng Du lịch	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
	FRE2038	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 1	3	3		FRE2039	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 2	3	3
	FRE2047	Pháp ngữ học	3	3		FRE2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
	FRE3053	Nhập môn khoa học du lịch	3	3		FRE3041	Tiếng Pháp du lịch – khách sạn	3	3
	FRE2043	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	3		THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
		<i>Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)</i>	6	6			<i>Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại năm 3 hoặc năm 4)</i>	6	6
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3		FRE2045	Phân tích diễn ngôn	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3		FRE2044	Ngữ nghĩa học	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3		FRE2035	Văn học Pháp ngữ	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3		FRE2046	Phân tích văn bản văn học	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3		FRE2056	Đất nước học Pháp	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3					
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3					
	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
	FRE2038	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 1	3	3		FRE2039	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 2	3	3
	FRE2047	Pháp ngữ học	3	3		FRE2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
	FRE3045	Tiếng Pháp kinh tế	3	3		FRE3059	Kinh tế Cộng đồng Pháp ngữ	3	3
	FRE2043	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	3		THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2

QH.2022 HỌC KỶ 5 Định hướng Kinh tế		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	6	6	QH.2022 HỌC KỶ 6 Định hướng Kinh tế		Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại năm 3 hoặc năm 4)	6	6
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3		FRE2045	Phân tích diễn ngôn	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3		FRE2044	Ngữ nghĩa học	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3		FRE2035	Văn học Pháp ngữ	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3		FRE2046	Phân tích văn bản văn học	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3		FRE2056	Đất nước học Pháp	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3					
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3					
QH.2022 HỌC KỶ 5 Định hướng Truyền thông	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	QH.2022 HỌC KỶ 6 Định hướng Truyền thông	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
	FRE2038	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 1	3	3		FRE2039	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 2	3	3
	FRE2047	Pháp ngữ học	3	3		FRE2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
	FRE3061	Lý thuyết truyền thông	3	3		FRE3062	Truyền thông doanh nghiệp	3	3
	FRE2043	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	3		THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	6	6			Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại năm 3 hoặc năm 4)	6	6
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3		FRE2045	Phân tích diễn ngôn	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3		FRE2044	Ngữ nghĩa học	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3		FRE2035	Văn học Pháp ngữ	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3		FRE2046	Phân tích văn bản văn học	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3		FRE2056	Đất nước học Pháp	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3					
FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3						

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

P. TRƯỞNG KHOA

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Đặng Thị Thanh Thúy

Nguyễn Việt Hùng

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2024-2025

NGÀNH NGÔN NGỮ PHÁP

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng Pháp bậc 1

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2024 HỌC KỲ 1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam <i>(SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)</i>	3	3	QH.2024 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3		VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FRE2080	Tiếng Pháp 1A	3	6		FRE2082	Tiếng Pháp 2A	3	6
	FRE2081	Tiếng Pháp 1B	3	6		FRE2083	Tiếng Pháp 2B	3	6
	FRE2090	Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp	0	3		FRE2090	Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp	3	3
						<i>(Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)</i>			
QH.2023 HỌC KỲ 3	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3	QH.2023 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		FRE2087	Tiếng Pháp 4A	3	6
	FRE2084	Tiếng Pháp 3A	3	6		FRE2088	Tiếng Pháp 4B	3	6
	FRE2085	Tiếng Pháp 3B	3	6		FRE2086	Tiếng Pháp 3C	3	6
	FRE2052	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	3	6		THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
							Tự chọn khối II.2	6	6
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP	6	6		FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3		FRE1003	Địa chính trị	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		FRE1001B	Địa lí đại cương	3	3
	FLF1002**	PP luận nghiên cứu khoa học (t.Việt)	3	3		FRE1002	Môi trường và phát triển	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3			Tự chọn khối IV.2.2	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3		FRE2091	Đọc hiểu chuyên đề	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3			Tự chọn khối III.2	6	6
				FLF1002**	Phương pháp luận NCKH (học bằng T.Pháp)	3	3		

P. TRƯỞNG KHOA

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đặng Thị Thanh Thúy

Nguyễn Việt Hùng

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2024-2025

NGÀNH NGÔN NGỮ PHÁP

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng Pháp bậc 4

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần	
QH.2024 HỌC KỲ 1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3	QH.2024 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3	HIS1056 C PHI1006 Triết học Mác - Lênin
		Ngoại ngữ B1	5	5		VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3	Ngoại ngữ VLF1052 Nhập môn Việt ngữ học
	FRE2092	Tranh biện về các vấn đề xã hội	3	6		INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3	FRE2092 I INT1004 Tin học cơ sở 2
	FRE2093	Các loại hình văn bản tiếng Pháp	3	6		FRE2094	Tiếng Pháp giao tiếp đa phương tiện	3	6	FRE2093 C FRE2094 Tiếng Pháp giao tiếp đa phương tiện
	FRE2052	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	0	3		FRE2090	Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp	3	6	FRE2052 I FRE2090 Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp
	FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3		FRE2052	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	3	3	FLF1018 K FRE2052 Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng
								(Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)		

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

P. TRƯỞNG KHOA

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đặng Thị Thanh Thúy

Nguyễn Việt Hùng

Hà Lê Kim Anh